

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 14 /2020/ VFC.TB-QHCD  
V/v: Báo cáo thường niên Năm 2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM**  
Mã chứng khoán: VFG  
Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Điện thoại: 028. 3822 8097  
Fax: 028. 3829 0457

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Dũng

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại di động: 0918.808.835

Loại thông tin công bố:  24 giờ  định kỳ  bất thường  theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

**Báo cáo thường niên Năm 2019**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2020 tại đường dẫn [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

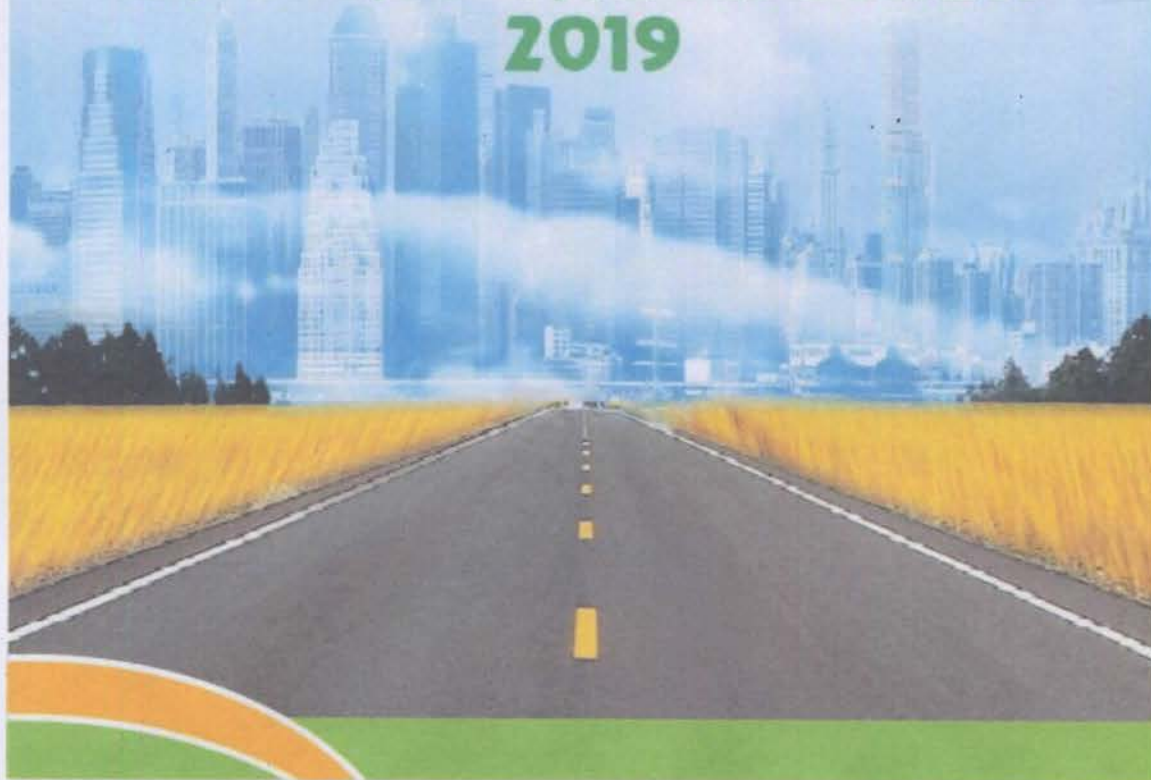


**TRẦN VĂN DŨNG  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Số 29, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-028) 3822 8097

Fax: (84-028) 3829 0457

Website: [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn)

Email: [info@vfc.com.vn](mailto:info@vfc.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

## NỘI DUNG

---

### PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

---

1. Thông tin chung về công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

---

### PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

---

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

---

### PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

---

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2020

---

### PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

1. Báo cáo kiểm toán năm tài chính 2019
2. Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2019
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính 2019

### VIẾT TẮT

1. BCTN: Báo cáo thường niên
2. CTCP: Công ty cổ phần
3. HĐQT: Hội đồng quản trị
4. BTGD: Ban tổng giám đốc
5. BKS: Ban kiểm soát
6. VFC: Công ty cổ phần Khử Trùng Việt Nam

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin chung về công ty:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VFC**
- Giấy CNĐKKD: Số 0302327629 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp
  - Ngày cấp 31 tháng 12 năm 2001
  - Thay đổi lần thứ 28 ngày 22/07/2019)
- Vốn điều lệ: 320.888.640.000 đồng  
(Ba trăm hai mươi tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)
- Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-028) 3822 8097 Fax: (84-028) 3829 0457
- Website: [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn)
- Mã chứng khoán: VFG

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### Năm 1976

Thành lập Đội Khử Trùng thuộc Cục Bảo Vệ Thực Vật- Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.

#### Năm 1985

Hợp nhất từ Công ty Khử Trùng 1 và 2 thành Công ty Khử Trùng Việt Nam.

#### Năm 1993

Hợp nhất các đơn vị khử trùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật thành Công ty Khử trùng Việt Nam (VFC) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

#### Năm 1994

Tham gia mạng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và phân phối của các công ty nông dược hàng đầu thế giới Zeneca, Ciba, Russel, Aventis, Kumiai, FMC.

#### Năm 1999

Thực hiện cổ phần hóa mạng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

#### Năm 2001

Hoàn tất việc cổ phần hóa toàn bộ công ty, trở thành công ty cổ phần đầu tiên trong ngành khử trùng và thuốc bảo vệ thực vật.

#### Năm 2007

Thực hiện sáp nhập với Công ty CP Đầu Tư Hồng Đức trở thành Công ty đại chúng từ ngày 26/7/2007.

**Năm 2008**

Hoàn thành tòa nhà làm việc VFC Tower và Khách sạn Novotel Nha Trang chính thức đi vào hoạt động, đánh dấu thêm ngành nghề kinh doanh mới dịch vụ cho thuê văn phòng.

**Năm 2009**

Niêm yết trên HOSE, chính thức giao dịch từ ngày 17/12/2009 với mã VFG.

**Năm 2011**

Tham gia mảng kinh doanh phân phối sản phẩm Giống cây trồng của Tập đoàn Syngenta tại thị trường Việt Nam.

**Năm 2012**

Thực hiện Dự án tái cấu trúc Công ty, khởi động tiến trình cải cách, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.

**Năm 2015**

Hoàn chỉnh chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2016 – 2020, tham gia hợp tác với viện WASI về chương trình giải pháp bảo vệ cây café.

**Năm 2017**

Hoàn thiện Nhà Máy Thuốc BVTV Long An với công suất 9.500T/năm, đầu tư phát triển sản phẩm, cải tạo văn phòng làm việc và nhà kho Chi Nhánh Cần Thơ, An Giang và trang bị phòng họp trực tuyến giữa trụ sở chính với các chi nhánh, tiếp tục hoàn thiện nâng cấp hệ thống hạ tầng máy chủ để phục vụ vận hành các phần mềm quản lý Kế toán, Kinh doanh, Marketing.

**Năm 2018**

Tiếp tục bổ sung đầu tư một số dây chuyền, thiết bị Nhà Máy Thuốc BVTV Long An để đáp ứng nhu cầu đóng gói sản phẩm cung ứng cho thị trường; đầu tư sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc, thay thế và sửa chữa phương tiện vận chuyển các chi nhánh để phục vụ công tác bán hàng.

**Năm 2019**

Tổ chức, sáp nhập một số Chi nhánh nhằm củng cố và nâng cao quản lý để ổn định kinh doanh & tiếp tục bổ sung đầu tư một số dây chuyền, thiết bị Nhà Máy Thuốc BVTV Long An, đầu tư sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc, thay thế và sửa chữa phương tiện vận chuyển các chi nhánh để phục vụ công tác bán hàng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- ✓ Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở);
- ✓ Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác;
- ✓ Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- ✓ Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng - đề đập - khách sạn - nhà hàng;
- ✓ Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- ✓ Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư;
- ✓ Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp;
- ✓ Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BTC).

### CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

➔ **Lĩnh vực Nông dược và Giống cây trồng:**



VFC bắt đầu tham gia lĩnh vực kinh doanh Nông dược từ năm 1994, đến nay doanh số của VFC đã chiếm 7-8% doanh số thị trường nông dược Việt Nam.

Các sản phẩm chính của VFC bao gồm Giống cây trồng; thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ lúa và thuốc trừ bệnh, được nhập khẩu từ các công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hàng đầu thế giới, đảm bảo chất lượng, mang lại hiệu quả cao và rất được khách hàng tin nhiệm.

VFC tự hào là một trong những nhà phân phối hàng đầu tại Việt Nam cho các sản phẩm của Syngenta, Corteva, Bayer, Kumiai, FMC, Nihon Nohyaku, Sinon, KingElong, NuFarm ... và đang tiếp tục phát triển các sản phẩm mới.

Đối tượng khách hàng chính của VFC là những nông trại, nông dân ruộng lớn có trình độ kỹ thuật và có thu nhập ổn định, hứa hẹn triển vọng gắn bó dài lâu với các sản phẩm có chất lượng của VFC.



VFC cam kết chọn lựa và mang đến cho nông dân những giải pháp mới, sản phẩm tiên tiến. VFC hợp tác và đưa những giá trị tốt nhất của Corteva, một tập đoàn toàn cầu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, đến với khách hàng. Với sản phẩm mới Zorvec Encantia 330 SE, chúng tôi mong muốn mang đến một giải pháp hiệu quả nhất cho bà con nông dân, giúp bà con chủ động hơn trong quản lý bệnh sương mai, bảo vệ mùa vụ tốt hơn, từ đó giúp tăng năng suất và lợi nhuận

### ➔ Lĩnh vực Dịch vụ Khử Trùng:



VFC là Công ty đầu tiên cung cấp dịch vụ khử trùng tại Việt Nam, với thế mạnh về chất lượng và hơn 40 năm kinh nghiệm hoạt động, VFC luôn giữ vị thế số 1 trong ngành. VFC hiện chiếm thị phần khoảng 60% thị phần tùy từng mặt hàng.



Từ sau năm 1975 đến năm 2001, Công ty CP khử trùng VN được Chính phủ giao nhiệm vụ dự trữ quốc gia về thuốc khử trùng, được Bộ NN-PTNT chỉ định công tác diệt trừ dịch hại trên hàng hóa xuất nhập khẩu.



VFC cũng là đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam áp dụng các phương pháp khử trùng tiên tiến nhất trên thế giới như Aluminium Phosphide (AIP), công nghệ khử trùng J-System của Degesch America, SIROFLO, SIROCIRC, VAPOR3PHOS, ECO2FUME dùng cho bảo quản hàng trong kho hoặc hệ thống silo.



Trên phương diện quốc tế, VFC là thành viên sáng lập Hiệp hội khử trùng quốc tế IMFO. Bên cạnh đó, VFC còn là điều phối viên Chương trình thay thế Methyl Bromide do Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc /UNIDO tại Việt Nam.

➔ **Dịch vụ kiểm soát dịch hại:**



Dịch vụ kiểm soát dịch hại (VFC – PestMaster) cũng là một thế mạnh của VFC. Thế mạnh này càng được khẳng định khi VFC trở thành thành viên chính thức của Tổ chức kiểm soát dịch hại đa quốc gia NPMA năm 1999.



**"PestMan – Chuyên gia diệt côn trùng"** tự hào là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát côn trùng lâu năm và uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay. Nhờ đội ngũ các chuyên viên - nhân viên giỏi chuyên môn cùng mạng lưới các chi nhánh rộng khắp trên toàn quốc, dịch vụ VFC – PestMaster có thể đáp ứng và hỗ trợ nhanh chóng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn.



VFC – PestMan chuyên cung cấp dịch vụ kiểm soát dịch hại cho các nhóm đối tượng sau:

- Cao ốc văn phòng, khách sạn, nhà hàng;
- Trung tâm thương mại, siêu thị;
- Nhà máy, khu chế xuất, khu công nghiệp;
- Công trình xây dựng, nhà ở;
- Phương tiện đường biển, hàng không, giàn khoan dầu khí.



➔ **Lĩnh vực cho thuê văn phòng:**

Văn phòng trụ sở Tòa nhà VFC Tower có quy mô 9 tầng văn phòng, chuyên biệt 6 sàn cho thuê diện tích mỗi sàn 249 m<sup>2</sup> và tầng hội trường, phòng họp chuyên dụng.



Qui mô tòa nhà: 1 trệt, 1 lửng, 3 hầm, 9 tầng lầu

Tầng điển hình có diện tích: 249 m<sup>2</sup>

Chiều cao từ sàn đến trần: 2.7m

Diện tích sử dụng: 2500 m<sup>2</sup>

Thời gian hoàn thành: tháng 3 năm 2008

Vị trí trung tâm thành phố: Ngay ngã ba Tôn Đức Thắng – Nguyễn Trung Ngạn

An ninh: bảo vệ chuyên nghiệp, camera màn hình CCTV 24/24

Hai thang máy Mitsubishi (sức chứa 11 khách/thang)

Điện: được xác định theo đồng hồ điện bố trí tại mỗi tầng

Phòng cháy chữa cháy: hệ thống vòi phun, báo cháy, báo khói tiêu chuẩn cao

Nguồn điện dự trữ ổn định: máy phát điện chất lượng cao đặt tại tầng hầm tòa nhà

Những dịch vụ tiện ích khác: vệ sinh khu vực sân bãi, công cộng, hệ thống cáp truyền hình, ADSL, điện thoại được dẫn đến tủ chung ở các vị trí sảnh các tầng.

### TRỤ SỞ CHÍNH, NHÀ MÁY VÀ CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

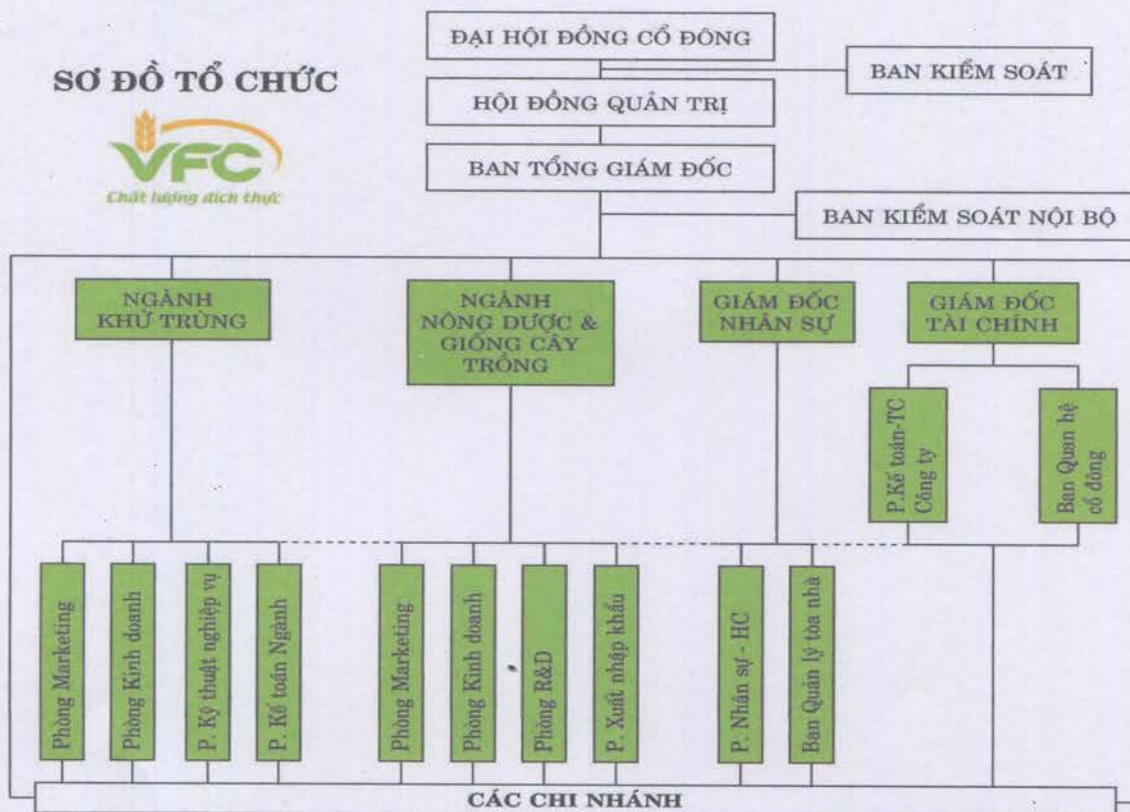
- **Văn phòng trụ sở chính:** Tòa nhà VFC, số 29, đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- **Nhà máy sản xuất thuốc BVTV Đức Hòa- Long An:** Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
- **Các Chi Nhánh trực thuộc:**
  1. **Chi nhánh phía Bắc:** 147 Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
  2. **Chi nhánh Đà Nẵng:** 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

3. **Chi nhánh Quy Nhơn:** Số 263 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4. **Chi nhánh Nha Trang:** Số 7 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
5. **Chi nhánh Đak Lak:** Số 170 Chu văn An, P.Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
6. **Chi nhánh Đồng Nai:** 32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai.
7. **Văn phòng Bình Dương:** Số 5/2, Ấp 1B, Xã An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
8. **Điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh tại TP.HCM:** Số 49, Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh.
9. **Chi Nhánh HCM:** Số 37, Nguyễn Trung Ngạn, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.
10. **Chi Nhánh Sông Tiền:** Số 154 Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
11. **Chi Nhánh Bắc Sông Hậu:** Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
12. **Chi Nhánh Kiên Giang:** Số 304A, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
13. **Chi Nhánh Nam Sông Hậu:** Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.

#### **CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:**

1. **Công ty TNHH VFC Cambo:** 428, 26BT, KhomThnot Chrom, Bang Tom Punh, Kha Mean Chey, PhnomPenh, Cambodia.
  2. **Công ty TNHH Hải Yến:** Số 50, Đường Trần Phú, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
  3. **Công ty cổ phần TM Nông Nghiệp Sông Mê Kông:** Số 161, Quốc Lộ 30, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**
- 4.1. Mô hình quản trị:**
    - Đại hội đồng cổ đông;
    - Hội đồng Quản trị;
    - Ban kiểm soát;
    - Ban điều hành.
  - 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**
    - Ban điều hành: Gồm Tổng Giám Đốc và 2 Phó Tổng Giám Đốc;
    - Giám đốc ngành; (Ngành hàng Nông dược và Giống Cây trồng, dịch vụ Khử trùng và Kiểm soát dịch hại) do 2 Phó Tổng giám đốc kiêm nhiệm các mảng kinh doanh và quản lý các phòng trực thuộc mảng kinh doanh ngành hàng;
    - Giám đốc tài chính; Giám đốc nhân sự là các trưởng bộ phận chức năng;
    - Các Chi nhánh là đơn vị kinh doanh.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VFC



### 5. Định hướng phát triển:

#### 5.1 Định hướng chung:

- *VFC cung cấp các sản phẩm Nông dược; Giống cây trồng; các dịch vụ Khử Trùng và Kiểm soát dịch hại có chất lượng cao từ các đối tác có uy tín hàng đầu tại Việt Nam.*
- *VFC mang đến cho khách hàng và bà con nông dân các sản phẩm, dịch vụ chất lượng được đảm bảo, phù hợp với những tiêu chuẩn hàng xuất khẩu và bảo vệ môi trường.*

#### Qua đó:

- ✓ *Mang đến sự yên tâm cho bà con nông dân, nâng cao uy tín cho khách hàng;*
- ✓ *Nâng cao giá trị, cổ tức cho cổ đông ngày càng cao;*
- ✓ *Nâng cao đời sống và niềm tự hào cho người lao động.*

#### 5.2 Định hướng các hoạt động cụ thể:

##### 5.2.1 Công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ:

- ✓ *Củng cố bộ sản phẩm, dịch vụ chủ lực để tăng sức cạnh tranh.*
- ✓ *Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm sản phẩm, phát triển mới các dịch vụ để bổ sung đáp ứng các nhu cầu phòng trừ và kiểm soát dịch hại.*
- ✓ *Rà soát và chuẩn hóa các quy chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hàng xuất khẩu và tiêu chuẩn sản phẩm hợp quy.*
- ✓ *Đẩy nhanh tiến độ phát triển sản phẩm mới: bổ sung các sản phẩm còn thiếu trong các giải pháp của VFC; Phát triển các sản phẩm mới do VFC chủ sở hữu.*

#### 5.2.2 Công tác quy hoạch và phát triển Hệ thống phân phối, kênh bán hàng:

- Hệ thống Chi Nhánh, cửa hàng, kho bãi:
  - + Quy hoạch Hệ thống Chi nhánh đảm bảo cung ứng sản phẩm, dịch vụ kịp thời và hiệu quả.
  - + Quy hoạch lại Hệ thống nhà kho, bãi chứa hàng hóa đảm bảo sức chứa và thuận lợi trong giao hàng và quản lý vật tư, hàng hóa.
  - + Xây dựng kho trung tâm, tổ chức lại công tác điều phối hàng hóa, cải tiến cơ chế quản lý và điều phối hàng.
- Hệ thống đại lý cấp 1 và cấp 2:
  - + Chọn lọc Hệ thống mạng lưới cấp 1 và cấp 2 để nâng cao chất lượng và hiệu quả phân phối sản phẩm, dịch vụ.
  - + Mở rộng Hệ thống mạng lưới đại lý cấp 1 và cấp 2 tại các thị trường trọng điểm và thị trường mới để tăng độ phủ thị trường.
  - + Xác lập lại hệ thống phân phối theo chủ trương của công ty: VFC cùng CI chăm sóc đại lý bán lẻ.

#### 5.2.3 Về Chính sách bán hàng:

- ✓ Xây dựng điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt theo từng khu vực địa bàn, từng nhóm khách hàng mục tiêu mang lại hiệu quả cao cho Hệ thống phân phối.
- ✓ Cải tiến công tác quản lý và thanh lý chính sách bán hàng đáp ứng kịp thời và tăng lợi ích cho đại lý.

#### 5.2.4 Về Công tác Marketing:

- ✓ Xây dựng các chương trình, hoạt động tạo lực hút trực tiếp marketing gắn với thị trường và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.
- ✓ Đa dạng hóa hình thức hoạt động marketing và linh hoạt các hoạt động truyền thông.
- ✓ Cải tiến các hoạt động marketing hiệu quả, nâng cao hiệu quả đối với lực lượng Tiếp xúc cùng nông dân.
- ✓ Tăng cường các chương trình tài trợ, ủng hộ các hoạt động y tế, giáo dục cho đối tượng vùng sâu, vùng xa, dân nghèo, hoàn cảnh khó khăn, cộng đồng nhằm củng cố thương hiệu công ty.
- ✓ Tham gia các hoạt động, diễn đàn, hiệp hội nghề nghiệp.

#### 5.2.5 Về Công tác quan hệ:

- Với cổ đông:
  - + Tăng cường công tác quan hệ cổ đông, cung cấp kịp thời đầy đủ về thông tin hoạt động của công ty.
  - + Đảm bảo mức cổ tức cao hàng năm cho cổ đông và giá trị doanh nghiệp ngày càng tăng.
  - + Theo dõi thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông và báo cáo thông tin kịp thời theo Luật chứng khoán và yêu cầu của UBCKNN
- Với đối tác chiến lược và đối tác khác:
  - + Tăng cường mối quan hệ và hợp tác, chia sẻ với đối tác chiến lược.
  - + Gắn kết các hoạt động kinh doanh và sử dụng của đối tác chiến lược và công ty.
  - + Cam kết thực hiện tốt những thỏa thuận với đối tác khác.
- Với cơ quan quản lý, khoa học kỹ thuật:
  - + Tăng cường mối quan hệ và hợp tác truyền thông với các cơ quan quản lý, các nhà khoa học trong các chương trình và nhiệm vụ quản lý nhà nước.
- Với các tổ chức Đoàn thể trong công ty  
Tăng cường chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên nhằm góp phần tạo sự gắn kết tập thể người lao động, xây dựng doanh nghiệp văn hóa.

### 5.2.6 Công tác đầu tư:

- Cơ sở vật chất:
  - + Hoàn thiện đầu tư nhà máy, mở rộng sản xuất sản phẩm nông dược, thuốc khử trùng, kiểm soát côn trùng để đáp ứng đủ nhu cầu bán hàng.
  - + Bổ sung đầu tư xây dựng, sửa chữa Chi Nhánh, nhà kho, trang bị các trang thiết bị, dụng cụ quản lý.
  - + Trang bị phương tiện vận tải, thiết bị làm việc để thuận tiện trong việc triển khai và xử lý các vấn đề liên quan đến sản xuất và kinh doanh.
- Kỹ thuật, công nghệ:
  - + Cải tiến kỹ thuật sản xuất sản phẩm, dịch vụ để nâng cao năng suất.
  - + Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ sản xuất mới, phát triển dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

### 5.2.7 Công tác tài chính, kế toán:

- Chủ động thu thập, phân tích thông tin phục vụ công tác Lập kế hoạch, dự báo về tình hình tài chính để cân đối tốt tài chính, sử dụng vốn hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.
- Tăng cường công tác quản lý tài sản, tài chính, rà soát lại các chính sách quản lý tài chính, điều chỉnh để chính sách tài chính phù hợp đối với các bộ phận, ưu tiên các bộ phận Bán hàng, Marketing, Phân phối và Phát triển sản phẩm.
- Cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán và phần mềm kế toán nhằm đáp ứng kịp thời về thông tin tài chính và Lập Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị kịp thời thông tin cho các cấp quản lý và đối tượng kiểm soát.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát dữ liệu và chứng từ kế toán tại các đơn vị để đảm bảo hạch toán đúng và kịp thời.

### 5.2.8 Công tác tổ chức - nhân sự và quản trị công ty:

- Cơ cấu lại đội ngũ theo hướng trẻ hóa, quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ nắm giữ vị trí quan trọng nhằm tăng khả năng thích ứng, nắm bắt kịp yêu cầu phát triển của Công ty.
- Cải tiến công tác tiền lương, tiền thưởng linh hoạt nhằm mang lại sự công bằng và thu hút động viên và phát huy sự cống hiến của người lao động.
- Tuyển dụng; bố trí; sắp xếp lại lao động các cấp để đáp ứng kịp thời nguồn lao động phục vụ yêu cầu phát triển của công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề của người lao động. Tổ chức các lớp học để nâng cao kỹ năng quản lý và nghiệp vụ cho nhân viên nhằm mang lại hiệu quả làm việc ngày càng cao hơn.
- Tiếp tục cải tiến, thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành công ty. Rà soát và sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng trẻ hóa phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, đơn vị trong công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung của công ty và xây dựng chính sách ưu đãi cụ thể đối với đội ngũ kế thừa.

### 5.3 Chỉ tiêu về tăng trưởng Doanh thu, thị phần và Lợi nhuận:

- Dù khó khăn về thị trường do tình hình ảnh hưởng của bệnh dịch và giá cả nông sản bấp bênh nhưng vẫn nỗ lực khai thác tối đa thị trường để doanh số không ảnh hưởng nhiều và thị phần chung giữ vững.
- Chỉ tiêu về Lợi nhuận: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần đạt bình quân từ 4% → 5%/năm.

## 6. Các rủi ro ảnh hưởng đến kinh doanh và biện pháp quản lý rủi ro:

Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra với xu hướng ngày càng phức tạp, giá cả hàng hóa nông sản chính của Việt Nam chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt với các nước, thị trường tài

chính và tiền tệ cũng không ổn định... bên cạnh đó, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa hoàn thiện. Do vậy hoạt động của doanh nghiệp luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ làm ảnh hưởng đến kinh doanh.

Để hạn chế các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh VFC luôn hướng đến tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật; xây dựng hệ thống quy chế và quy trình làm việc, quản trị các rủi ro đồng bộ; kiểm soát và đảm bảo tính tuân thủ, trung thực trong đội ngũ cán bộ nhân viên toàn Công ty; Thường xuyên thực hiện công tác đánh giá để cải tiến về quy trình làm việc, nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động xác định và đề ra các biện pháp xử lý các yếu tố rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận hành tổ chức kinh doanh và quản lý. Các rủi ro chủ yếu và biện pháp Công ty thực hiện như sau:

### **6.1 Rủi ro về pháp luật:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VFC chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật kế toán, Luật Thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong điều kiện khung pháp lý và hệ thống luật pháp Việt Nam đang từng bước hoàn thiện nên có những điều chỉnh, thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Nhằm hạn chế rủi ro về pháp luật, VFC thực hiện quản trị hệ thống hóa các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo tính tuân thủ quy định pháp luật trong mọi hoạt động doanh nghiệp:

- Hệ thống hóa và thường xuyên cập nhật các Luật và quy định có liên quan để nắm vững và triển khai đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện đúng quy định của Pháp luật.
- Hệ thống và cập nhật các văn bản pháp luật về điều kiện sản xuất và kinh doanh thuộc BVTV, Giống cây trồng, các quy định pháp luật môi trường, quản lý chất thải, hóa chất, PCCC.
- Hệ thống và cập nhật các quy định pháp luật lao động, các quy định về an toàn lao động trong sản xuất.
- Đào tạo hoặc tuyển dụng chuyên viên có kinh nghiệm pháp chế để thẩm định các hợp đồng trước khi ký kết.
- Kết hợp với các tổ chức tư vấn pháp luật chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết.
- Không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

### **6.2 Rủi ro về thị trường và kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ của VFC phục vụ chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp, nên bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro quyết định đến điều kiện sản xuất nông nghiệp và sản phẩm đầu ra của nông nghiệp như: Rủi ro về thời tiết; Rủi ro về thị trường; Rủi ro về đầu tư.

- Thời tiết được đánh giá là rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của bà con nông dân sản xuất, là khách hàng sử dụng sản phẩm kinh doanh của Công ty. Với diễn biến thời tiết cực đoan (*mưa, nắng nóng và hạn hán bất thường, tình trạng xâm nhập mặn...*) trong những năm qua cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của bà con nông dân. Do đó làm ảnh hưởng đến lộ trình phát triển kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của Công ty, nhất là lĩnh vực kinh doanh Nông dược- Giống cây trồng. Để đối phó với rủi ro này, VFC đã thực hiện những giải pháp nhằm hỗ trợ nông dân và nhà phân phối ứng phó với rủi ro như sau:
  - + Đẩy mạnh trong hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm: tập trung phát triển các dòng sản phẩm thích ứng rộng; giá cả cạnh tranh và phù hợp với diễn biến, thay đổi của đối tượng dịch hại do tác động của biến đổi khí hậu để bảo vệ mùa màng và cây trồng.
  - + Củng cố hệ thống phân phối tập trung vào khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm và đẩy mạnh công tác tập huấn hỗ trợ hệ thống đại lý trong quản lý kinh doanh và thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến dịch hại, hướng dẫn kỹ thuật đồng ruộng cho nông

dân để tránh những tác động của khí hậu, thời tiết.

- Rủi ro về tài chính, tín dụng hệ thống khách hàng. Đây là rủi ro là do các khách hàng mất khả năng thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc khách hàng thực hiện thanh toán chậm so với thời hạn quy định. Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa như sau:
  - + Xây dựng áp dụng quy trình thẩm định năng lực khách hàng (*Đánh giá năng lực kinh doanh của khách hàng, đánh giá tình hình kinh doanh và tài chính, đánh giá khả năng tiêu thụ, nắm bắt thông tin khách hàng, diễn biến thay đổi trong thanh toán...*) từ đó xác định Hạn mức nợ áp dụng đối với từng khách hàng, theo dõi tình hình bán hàng, quan sát thông tin để phát hiện kịp thời các dấu hiệu mất khả năng thanh toán để có biện pháp giải quyết kịp thời.
  - + Bên cạnh đó, công ty cũng yêu cầu đảm bảo tính pháp lý trong các thủ tục bán hàng phòng ngừa tranh chấp pháp lý có thể xảy ra, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và chốt sổ dư công nợ. Với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ này, năm 2018 công ty không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi.
- Rủi ro về khả năng thanh toán: Trong điều kiện diễn biến khó khăn về tài chính và tiền tệ, rủi ro thanh khoản luôn tiềm ẩn xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng, nhà cung cấp. Để hạn chế rủi ro này, VFC luôn quan tâm công tác quản trị dòng tiền và cân đối các tài sản, luôn lập kế hoạch chủ động dòng tiền và cân đối dòng lưu chuyển của các tài sản để trách nhiệm thanh toán thực hiện đúng cam kết thanh toán với nhà cung cấp, với ngân hàng nên đã hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản, chủ động dòng tiền.
- Rủi ro về ngoại tệ và tỷ giá: Mặt hàng kinh doanh lĩnh vực Thuốc bảo vệ thực vật, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại phần lớn thông qua nhập khẩu dùng tiền tệ USD thanh toán hoặc định giá theo USD nên chịu nhiều ảnh hưởng từ tỷ biến động của tỷ giá tiền USD so với Đồng Việt Nam. Tình trạng khan hiếm ngoại tệ gây khó khăn thiếu ngoại tệ cho việc nhập khẩu nguyên liệu; Tỷ giá tăng làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận. Để hạn chế tác động của yếu tố ngoại tệ và tỷ giá, VFC thực hiện biện pháp:
  - + Nâng cao mối quan hệ hợp tác với một những ngân hàng lớn trong nước và ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và đàm phán hạn mức tín dụng và giải pháp tiền ngoại tệ và công cụ tài chính ngoại tệ với các ngân hàng.
  - + Lập kế hoạch và Phương án dòng tiền dự phòng để chuẩn bị huy động nguồn tiền để thanh toán nhanh áp dụng đối với những lúc tỷ giá ngoại tệ có biến động mạnh.
- Rủi ro về đầu tư: Với định hướng phát triển kinh doanh, để thực hiện từng bước nâng cao năng lực và hiệu quả kinh doanh, VFC chú trọng công tác đầu tư cho các tài sản phục vụ cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, không đầu tư dàn trải hoặc đầu tư với những lĩnh vực mà VFC không có năng lực cạnh tranh. HĐQT với nhiệm vụ quản lý phát triển công ty, nên thường xuyên quan tâm và đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty đảm bảo đáp ứng được nhu cầu mở rộng của Công ty.
- Rủi ro về dịch hại: Cty dự tính trong những tình huống xấu nhất của dịch hại để có những giải pháp cụ thể ứng phó với khủng hoảng, có những giải pháp tài chính để cân đối nguồn vốn, bảo toàn vốn và duy trì hoạt động công ty, giữ chân người lao động để sớm ổn định tình hình.

### 6.3 Rủi ro trong quản lý:

Trong quản lý hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp luôn tiềm ẩn rủi ro, để phòng ngừa rủi ro trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, công ty thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục, quy định trong toàn Công ty, đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung kịp thời để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Những biện pháp thực hiện như sau:

- Tô chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng tài chính của từng đơn vị trực thuộc và toàn Công ty.

- Kiểm soát hoạt động kế toán tài chính công ty để đảm bảo tính tuân thủ luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của Nhà nước và quy chế công ty. Kiểm soát tính chính xác, kịp thời trong các báo cáo quản trị.
- Kiểm soát công tác quản lý hàng hóa, kho tàng. Kiểm soát hao hụt.
- Kiểm tra quy trình giao việc của đơn vị: từ ký kết mục tiêu năm, 6 tháng, kế hoạch làm việc tháng, tuần.
- Kiểm soát việc giải quyết các chế độ đối với người lao động theo quy chế (tiền lương, thưởng, phúc lợi).

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2019

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1. Tình hình chung:

Thế giới 2019 vẫn còn nhiều biến động phức tạp về kinh tế, chính trị. Sự bất ổn kinh tế, thương mại thế giới do ảnh hưởng của chiến tranh Mỹ- Trung không thuận lợi tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta.

- Năm 2019, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt khá cao, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định. Nền kinh tế tuy có bước phát triển tuy nhiên tiềm ẩn rất nhiều khó khăn đối với doanh nghiệp chịu tác động của thế giới. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhìn chung về thị trường hàng hóa nông sản bấp bênh, thiếu lực cầu, hàng tồn kho cao, sức mua của người nông dân yếu. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp phải đối mặt với tình hình dịch bệnh và thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn khi dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng; nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản không thuận lợi về thị trường và giá xuất khẩu..., các diễn biến trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất nông nghiệp trên phạm vi cả nước. Tình hình xuất khẩu lúa gạo trong năm 2019 cũng còn thấp, Giá các loại nông sản thường xuyên bấp bênh, thị trường gạo xuất khẩu bị thu hẹp trong khi đó giá các sản phẩm vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng ngày một tăng không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân nên nhu cầu về các sản phẩm nông được không cao.
- Sự khó khăn của thị trường và áp lực tồn kho nguyên liệu, thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật của các công ty ngày càng nhiều, mức độ cạnh tranh về giá bán và chính sách bán hàng giữa các Công ty ngày càng gay gắt. Tình hình thuốc BVTV ngày càng nhiều hàng giả, hàng nhái, mức độ tinh quái.
- Nguyên liệu đầu vào biến động mạnh vào cuối năm 2018 và nửa đầu năm 2019 cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngành.

#### 1.2. Tình hình hoạt động của Công ty:

##### a. Thuận lợi

- Uy tín thương hiệu của VFC, chất lượng sản phẩm, dịch vụ của công ty ngày càng được nhiều người biết đến.
- Bộ sản phẩm của VFC có chất lượng tốt có sức hút khá mạnh và đang củng cố, bổ sung thêm sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Sự ủng hộ của khách hàng và đối tác đối, ngân hàng với công ty được duy trì ổn định.
- Sự liên kết, hỗ trợ phối hợp tốt giữa các đơn vị trong kinh doanh.
- Công ty bám sát các định hướng chiến lược để điều hành kinh doanh, tiếp tục cải tiến công tác quản lý. Nguồn nhân lực ngày càng được cải thiện cả về số lượng và chất lượng, đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên nghiệp vụ, công nhân sản xuất chủ yếu là lực lượng trẻ, năng động và có nhiều kinh nghiệm.
- Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chính sách bán hàng ngày càng hoàn thiện và phát triển, thuận lợi cho việc quản lý bán hàng.

##### b. Khó khăn

- Trong năm qua tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn: Thời tiết do tác động của biến đổi khí hậu và giá cả nông sản đầu ra; Sản phẩm thuốc BVTV nhập khẩu có nguồn gốc từ Trung





Quốc được phân phối thông qua kênh bán hàng của hàng trăm doanh nghiệp, đại lý nhỏ đang có nguy cơ nổi rộng so với thị phần trong nước; Sự xáo trộn ở kênh phân phối gây nên tình trạng bất ổn trong hệ thống ... làm ảnh hưởng đến kết quả bán hàng nhiều Chi nhánh không hoàn thành được kế hoạch kinh doanh Công ty giao.

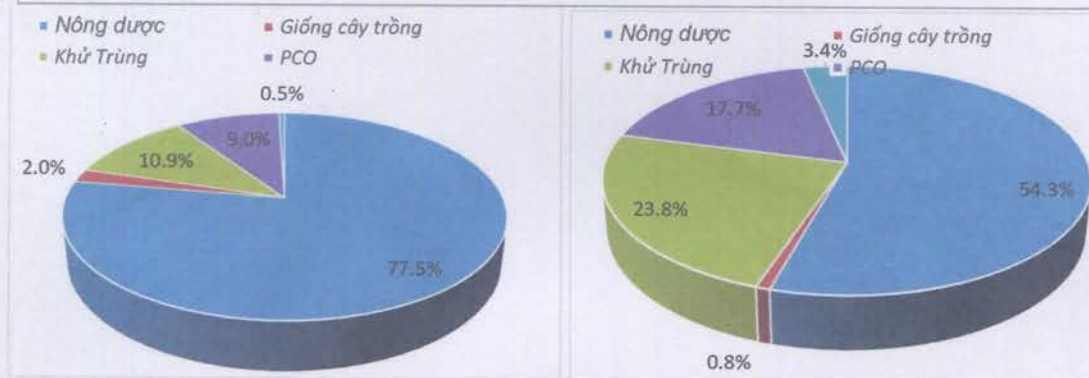
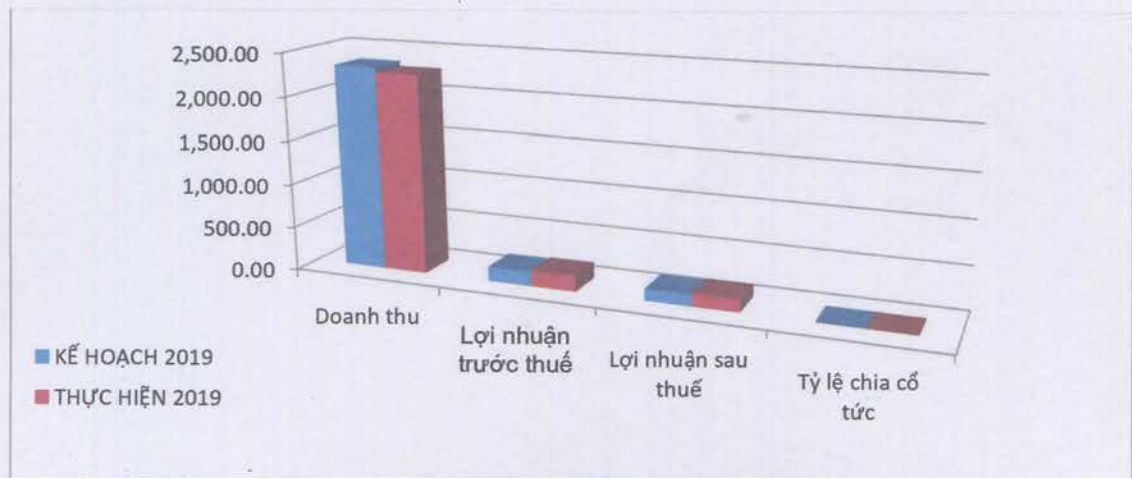
- Giá vốn thuốc BVTV và các nguyên vật liệu khác liên tục tăng trong đó có sự biến động tăng giá nguyên liệu thuốc BVTV; Một số ngành hàng như sản lát giảm mạnh do các công ty thua lỗ lớn vì giá giảm, khách hàng tìm cách tiết giảm chi phí nên thường bỏ không làm khử trùng; Nhiều trường hợp khách hàng tự tổ chức đội khử trùng để tự xử lý hàng hóa.
- Việc thành lập công ty khử trùng khá dễ dàng dẫn đến ngày càng có nhiều công ty thành lập bộ phận khử trùng từ ngành kinh doanh có liên quan như: Công ty giám định, công ty vận tải, công ty PCO... Các công ty này luôn tập trung vào lượng khách hàng của VFC để lôi kéo bằng cách giảm giá, tặng hoa hồng.
- Các Công ty giám định nước ngoài cũng ngày càng tăng sức ép mạnh lên VFC, tận dụng mọi biện pháp để lôi kéo khách hàng khử trùng.

### 1.3. Doanh thu và tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

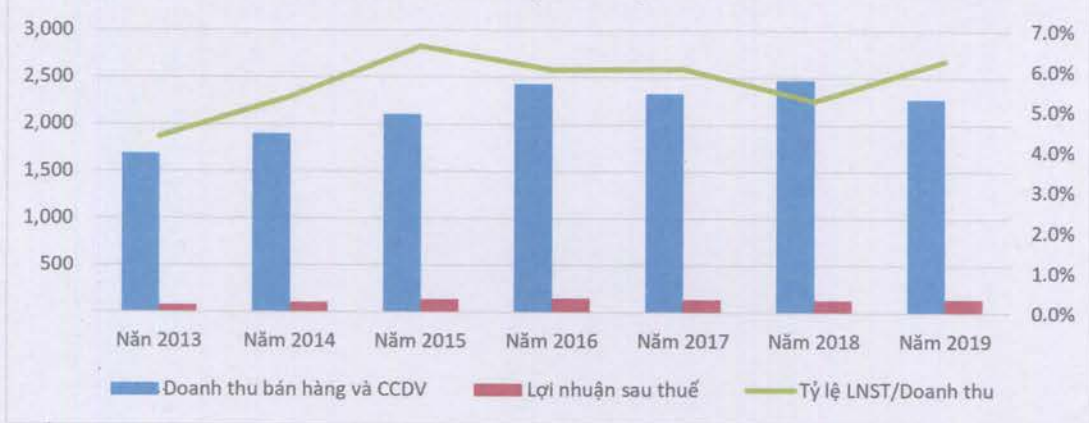
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm tài chính 2019:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH 2019/KH 2019
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	2.330	2.272	97,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	165	178,4	108,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	130	142,2	109,4%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	20%*	100%

(\*) Dự kiến thực hiện.

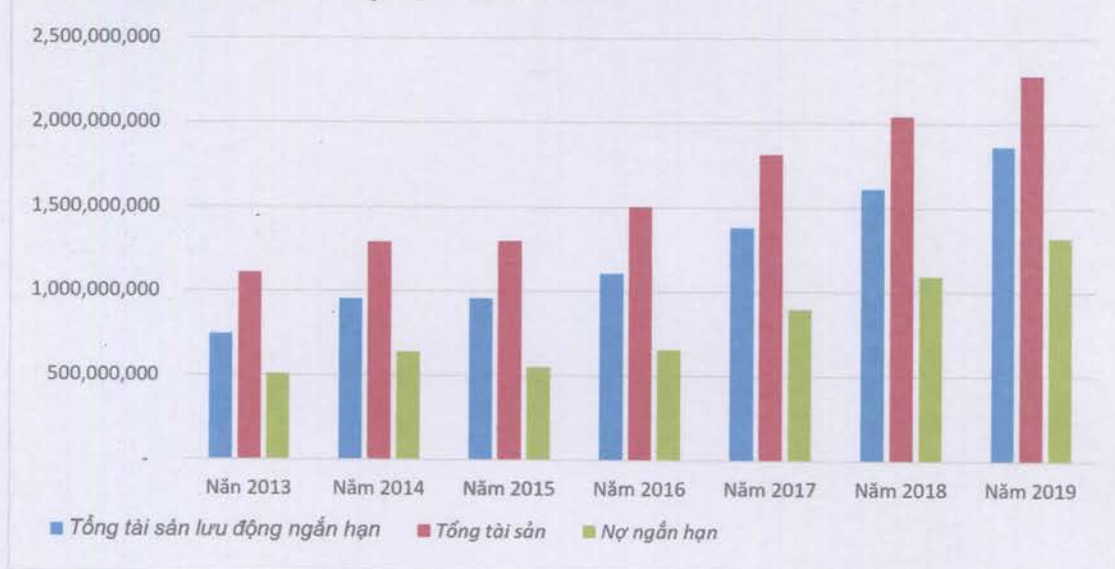


### DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN CÁC NĂM

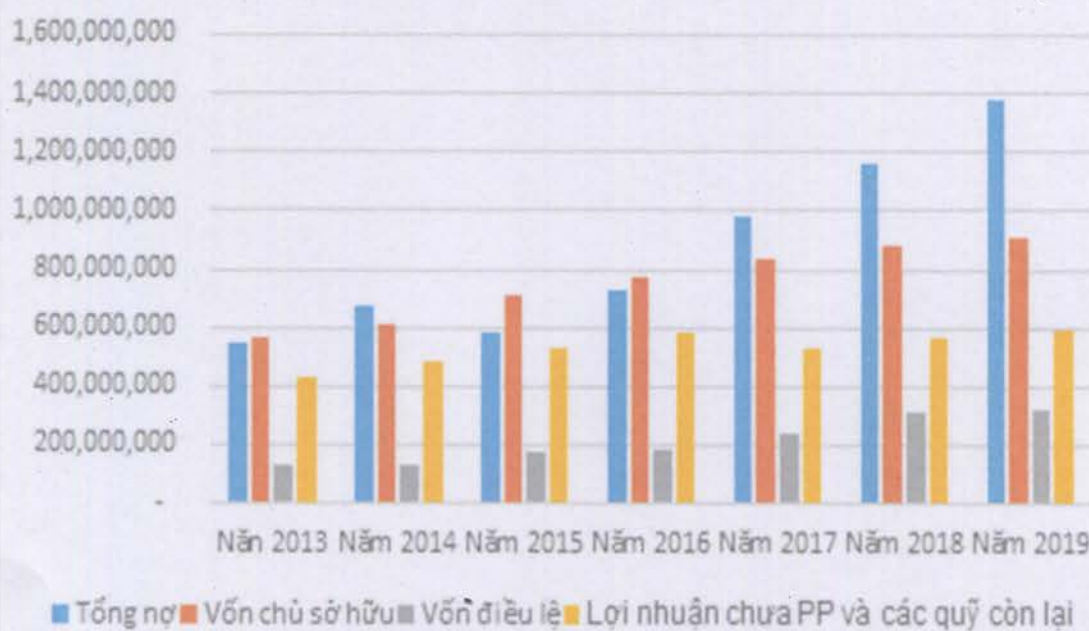


- Trong niên độ vừa qua, với tình hình thị trường thuốc bảo vệ thực vật và Giống cây trồng khó khăn, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện những định hướng mới trong công tác điều hành kinh doanh của Công ty đã áp dụng và đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả và minh bạch. Các công tác nhằm hoàn thiện hệ thống điều hành kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi nhánh cũng như các công tác liên quan đến tiết giảm chi phí vv... luôn được chú trọng thực hiện. Chính những yếu tố trên đã góp phần giúp Công ty giữ các chỉ tiêu doanh thu không bị giảm trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động của nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.
- Kết quả kinh doanh niên độ tài chính 2019, Công ty đã hoàn thành 97,5% kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trước thuế đạt 108,1% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 109,4% so với kế hoạch.
- Tài sản và vốn tăng qua các năm và cơ cấu các tài sản cũng cân đối ở mức an toàn. Số liệu tình hình tài sản trong những năm qua như sau:

### CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NỢ QU A CÁC NĂM



## CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ CÁC QUỸ 2019



## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành và Kế toán trưởng:

#### Bà Nguyễn Bạch Tuyết

Ngày tháng năm sinh: 10/11/1942  
 Quê quán: Quảng Ngãi  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Chức vụ hiện tại

Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc Ngành thuốc BVTV & Giống cây trồng.

#### Quá trình công tác

<u>Thời gian công tác</u>	<u>Nơi công tác</u>	<u>Chức vụ</u>
Từ 1976- 1984	Cục Bảo vệ thực vật	Chi cục phó
Từ 1985 ->1999	Công ty Khử trùng Việt Nam	Giám đốc C.ty
Từ 1999- 2000	Công ty CP Khử Trùng Giám Định Việt Nam	Giám đốc C.ty
Từ 2001 ->9/2009	Công ty CP Khử Trùng Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 10/2009 đến nay	Công ty CP Khử Trùng Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

**Ông Trương Công Cứ**

Ngày tháng năm sinh

11/12/1955

Quê quán

Sài Gòn

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư nông nghiệp

Chức vụ hiện tại

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

**Quá trình công tác**

<u>Thời gian công tác</u>	<u>Nơi công tác</u>	<u>Chức vụ</u>
Từ 1976- 1979	Chi Cục Kiểm dịch thực vật	Cán bộ kỹ thuật
Từ 1980 -> 1981	Chi Cục Kiểm dịch thực vật vùng II	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 1981- 1989	Công ty Khử trùng Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
Từ 1990- 1991	Công ty Khử trùng Việt Nam	Phó giám đốc Công ty
Từ 1991- 1999	Công ty CP Khử Trùng Giám Định Việt Nam	Phó giám đốc Công ty
Từ 1999- T9/2009	Công ty CP Khử Trùng Việt Nam	Phó Tổng giám đốc Công ty
Từ 10/2009 đến nay	Công ty CP Khử Trùng Việt Nam	TV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

**Ông Nguyễn Mỹ**

Ngày tháng năm sinh

24/11/1962

Quê quán

An Giang

Chức vụ hiện tại

Phó Tổng Giám đốc công ty

**Quá trình công tác**

<u>Thời gian công tác</u>	<u>Nơi công tác</u>	<u>Chức vụ</u>
Từ 1983- 1996	Công ty Bảo vệ thực vật An Giang thuộc Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh An Giang	Trạm trưởng tại Thành Phố HCM
Từ 1997 -> 2004	Công ty Dịch vụ bảo vệ thực vật An Giang	Giám Đốc CN, Phó VPĐD TP.HCM, Phó Khối KD
Từ 2004-2006	Công ty CP BVTV An Giang	Giám đốc CN & TV HĐQT CTy
Từ 2006-2014	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời	Giám Đốc Ngành thuộc BVTV

Từ 2016-T9/2018	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời	Phó CT.HĐQT, Phó TGD & CT HĐQT CTY TNHH BVTV An Giang
Từ 05/2019 đến nay	Công ty CP Khử Trùng Việt Nam	Phó Tổng giám đốc Công ty

## 2.2. Nguồn nhân sự:

Cho đến ngày 31/12/2019, đội ngũ nhân viên VFC là 1.291 người. Cụ thể như sau:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Số lượng lao động (người)	1,229	1,279	1.291
Trên đại học	10	11	15
Đại học	506	481	482
Cao đẳng	106	106	123
Trung cấp chuyên nghiệp & Lao động khác	607	681	671
Thu nhập bình quân/ người (đồng)	12,500,000	12,500,000	11,000,000

## 2.3. Chính sách đối người lao động

Với phương châm “Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp”, VFC luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp để phấn đấu cho mục tiêu chiến lược của Công ty;

- Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi:
  - + **Chế độ làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù;
  - + **Nghỉ phép, lễ, Tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo qui định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép được kéo dài đến hết quý 01 năm sau.
  - + **Nghỉ ốm, thai sản:** Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các qui định hiện hành khác của Nhà Nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 06 tháng theo qui định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do Nhà Nước chi trả).
- Điều kiện làm việc:
 

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- Chính sách tiền lương, các khoản phụ cấp và chế độ tiền thưởng:
  - + **Chế độ lương và các khoản phụ cấp:**
    - o **Đối tượng:** Áp dụng cho tất cả bao gồm Ban điều hành và nhân viên VFC;
    - o **Tiền lương:** Bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp;
      - ✓ **Lương chức danh:** Xác định theo vị trí công việc

✓ Phụ cấp: Bao gồm các khoản phụ cấp sau: Cơm trưa, xăng xe, điện thoại di động, độc hại, thuê nhà, giao tế, qua phà, cầu đường (nhân viên thị trường), thâm niên.

Công ty luôn đảm bảo 100% người lao động khi ký hợp đồng chính thức với Công ty đều được tham gia bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).

Đảm bảo mức lương cơ bản làm cơ sở đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;

Đảm bảo tăng lương cơ bản định kỳ cho NLĐ. Số CBCNV được điều chỉnh tăng lương là những cá nhân có hiệu quả làm việc tốt hoặc phải kiêm nhiệm thêm trách nhiệm công việc.

+ *Chế độ thưởng:*

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách động viên, khen thưởng thiết thực, đảm bảo phúc lợi. Ngoài tiền lương, CBCNV trong công ty còn được khen thưởng tùy theo kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Từ năm 2012, công ty đã thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu cho CBCNV giỏi và có công đóng góp cho VFC. Chính sách này đã tạo động lực tốt để nhân viên phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được.

- Chính sách phúc lợi:

+ *BHXH, BHYT & BHTN:*

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước.

+ *Khám sức khỏe hàng năm:*

Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm, một lần cho cán bộ quản lý và hai lần cho công nhân nhà máy.

+ *Quà sinh nhật:*

Áp dụng cho toàn thể CBCNV Công ty;

+ *Du lịch, nghỉ mát hàng năm:*

Tổ chức hàng năm theo Bộ phận;

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để tăng cường đội ngũ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- Chính sách thu hút nhân tài:

Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng công hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

- Chính sách đào tạo:

Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác Đào tạo: Công tác đào tạo chủ yếu là đào tạo nội bộ. Ngành Khử Trùng & PCO đã thực hiện nhiều đợt đào tạo nghiệp vụ khử trùng & PCO cho cán bộ nhân viên các Chi nhánh. Kết quả đào tạo được đánh giá có hiệu quả góp phần nâng cao nhận thức và tay nghề cho CBNV trong ngành...

- Các chính sách và hoạt động khác:

Đã thực hiện chi khen thưởng cho NLĐ các dịp tết dương lịch 2019, tết nguyên đán 2019, thưởng lễ 30/04 & 1/5 & 2/9/2019, thưởng các quý 2019 khi đạt kế hoạch.

Tổ chức công đoàn: Công đoàn Công ty hoạt động khá hiệu quả, tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và vật chất. Công đoàn tổ chức động viên khen thưởng các cháu là con của CBNV trong Công ty có thành tích học tập tốt.

Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, tang gia, hiếu hi hay đau ốm... đều được Công đoàn quan tâm giúp đỡ.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1 Đầu tư tài sản cố định: Với tổng kinh phí dự trù 28 tỷ đồng

- ✓ Thay mới phương tiện vận tải, thiết bị làm việc cho các đơn vị với dự trù kinh phí 3 tỷ đồng, Thực hiện cho việc thay mới phương tiện vận tải 3,7 tỷ đồng;
- ✓ Cải tạo văn phòng Chi Nhánh và nhà kho với dự trù ngân sách là 10 tỷ đồng, thực hiện 7,5 tỷ đồng;
- ✓ Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm & Đầu tư cơ sở khảo nghiệm.. với dự trù ngân sách là 3 tỷ đồng. Do tình hình thực tế thay đổi nên đến nay vẫn chưa thực hiện hạng mục này.
- ✓ Đầu tư thêm dây chuyền nhà máy thuốc BVTV 9.500 tấn/năm tại Long An dự kiến 4 tỷ đồng. Trong năm 2019, ngân sách để bổ sung đầu tư các thiết bị, dây chuyền máy sản xuất Nhà máy 5,2 tỷ đồng;

#### 3.2 Đầu tư dự án Marketing và Chuyển giao kỹ thuật theo giải pháp cây trồng:

Tiếp tục Chương trình Tiếp sức cùng nông dân, VFC đầu tư nhân sự và kinh phí cho hai hoạt động Marketing và chuyển giao kỹ thuật trên cây Lúa, cây, cây ăn trái và hoa màu mang lại hiệu quả giúp cho hệ thống bán hàng được tốt hơn.

#### 3.3 Các khoản đầu tư liên doanh, liên kết:

Việc đàm phán với đối tác về việc mua lại phần vốn góp của đối tác tại Công ty Hải Yến hai bên vẫn tiếp tục thương lượng để thống nhất phương án giải quyết cụ thể.

Việc thoái vốn hoặc chuyển nhượng khu kho 1,4 ha tại quận 12, Tp.HCM cũng đang chào bán và Dự án đầu tư Trung tâm Thương mại Mê Kông tại tỉnh Đồng Tháp cũng đang trong quá trình hoàn chỉnh các thủ tục để chuyển nhượng vốn cho đối tác mới.

### 4. Các hoạt động xã hội vì cộng đồng gắn với việc phát triển thương hiệu:

Chăm lo đời sống cho CB CNV, thăm hỏi và hỗ trợ khi ốm đau, thăm hỏi khi gia đình CBNV có hiếu hỷ và các hoạt động nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái trong công ty.

Tham gia tài trợ các chương trình Tiếp sức cùng nông dân, tài trợ Chương trình vui xuân cùng nông dân nghèo tại các tỉnh trên cả nước.

### 5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình kinh doanh và tài chính

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	2.283,07	2.042,07	11,8%4
Doanh thu thuần	2.069,55	2.288,96	-9,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	181,52	168,44	7,8%
Lợi nhuận khác	-3,1	-2,7	-14,0%
Lợi nhuận trước thuế	178,38	165,69	7,8%
Lợi nhuận sau thuế	142,21	130,74	8,8%
Tỷ lệ chia cổ tức	Dự kiến 20%	20%	0%

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,41	1,47	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,74	0,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ /Tổng tài sản + Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	0,60 1,51	0,57 1,32	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,78 0,91	2,34 1,12	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,87% 15,65% 6,23% 8,77%	5,71% 14,87% 6,40% 7,36%	



## 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 6.1 Cổ phần đang lưu hành:

Chỉ tiêu	31/12/2018	Thay đổi	31/12/2019
Cổ phần phổ thông đang lưu hành	31.611.461	+ 475.403	32.086.864
Cổ phiếu quỹ	2.000		2.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.613.461</b>	<b>475.403</b>	<b>32.088.864</b>

(Tăng do phát hành cổ phiếu thưởng & phát hành CP ESOP).

### 5.2 Cơ cấu cổ đông đến 31/12/2019

Nhóm cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>740</b>	<b>31.206.402</b>	<b>97,25%</b>
Trong đó:			
Cổ đông là cá nhân	714	15.954.993	49,72%
Cổ đông là tổ chức	26	15.251.409	47,53%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>30</b>	<b>882.462</b>	<b>2,85%</b>
Trong đó:			
Cổ đông là cá nhân	18	14.217	0,04%
Cổ đông là tổ chức	12	868.245	2,71%
<b>Tổng cộng</b>	<b>770</b>	<b>32.088.864</b>	<b>100,00%</b>

### 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm tài chính 2019, Công ty phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV, tăng vốn điều lệ là 4.754.030.000 đồng và vốn điều lệ hiện tại đến 31/12/2019 là: 320.888.640.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là 2.000 cp.

Các chứng khoán khác:

Công ty không có các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019

(Xem mục II. Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2019)

### 2. Tình hình tài chính:

#### 2.1. Tình hình tài sản:

\* Tài sản ngắn hạn tăng 15,63% so với cùng kỳ

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 97,80%

- Các khoản phải thu giảm 16,34%
- Hàng tồn kho tăng 19,08%
- \* Tài sản cố định giảm 4,70% so với cùng kỳ
  - Tài sản cố định vô hình giảm 2,94%
  - Tài sản cố định hữu hình giảm 5,43%
  - Bất động sản đầu tư giảm 13,93%
- Tài sản ngắn hạn tăng 15,63%, tăng tương đối nhiều so với cùng kỳ, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 211,76 % trong khi đó các khoản phải thu giảm 16,34% và hàng tồn kho tăng 19,08%. Nguyên nhân là do trong năm 2019 Công ty đã hợp tác với đối tác mới và nhập hàng từ đối tác về để bán, bên cạnh đó do tình hình thị trường khó khăn, sức mua của nông dân giảm nên vòng quay hàng tồn kho chậm hơn đồng thời Công ty cũng tăng cường mở rộng thời gian nợ tiền hàng để hỗ trợ cho hệ thống khách hàng trong điều kiện thị trường khó khăn.
- Tuy tỷ lệ nợ phải thu và Hàng tồn kho tăng cao, nhưng Công ty vẫn kiểm soát tốt hàng tồn kho làm giảm thiểu việc tồn trữ hàng hóa lâu, hợp lý hóa nguồn vốn và vòng quay hàng tồn kho.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả tăng 18,17% so với cùng kỳ, trong đó các khoản nợ vay không biến động, là do công ty duy trì và tăng cường tận dụng hạn mức tín từ nhà cung cấp để tăng mức nợ, sử dụng dòng tiền hợp lý hơn, khoản nợ Công ty không phải là khoản nợ xấu không có khả năng thanh toán mà Cty được đối tác và ngân hàng cho hạn mức nợ để tài trợ cho lượng hàng hóa nhập thêm nhằm tránh tăng giá cả hàng mua cuối năm.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

(Xem mục II)- (Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2019)

## 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2019:

### 4.1. Kế hoạch kinh doanh:

Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2019, cũng như diễn biến sắp tới của nền kinh tế, Ban điều hành đã triển khai việc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
Doanh thu	Tỷ đồng	2,330	2,271,96	2,000
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	165	178,38	153
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	130	142,21	120
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	Dự kiến 20%	KH 20%

### 4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2020:

Để đảm bảo cho các đơn vị hoạt động được tốt hiệu quả hơn đồng thời tăng cường nâng cao việc điều hành và giám sát công việc, dự trù đầu tư các hạng mục năm 2020 với ngân sách là 18 tỷ đồng; trong đó:

- Thay thế phương tiện vận tải cũ cho các đơn vị: Dự trù ngân sách 5 tỷ đồng;
- Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm: Dự trù ngân sách thực hiện 3 tỷ đồng;
- Đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị cho Nhà máy thuốc BVTV Long An: Dự trù ngân sách thực hiện 3 tỷ đồng;
- Đầu tư, nâng cấp văn phòng làm việc Tòa nhà VFC: Dự trù ngân sách thực hiện 2 tỷ đồng.
- Đầu tư cải tạo văn phòng làm việc Chi Nhánh và kho dự trù ngân sách thực hiện 5 tỷ đồng.

#### 4.3. Xử lý các vấn đề còn tồn đọng:

- Tiếp tục đàm phán giải quyết thương lượng với đối tác về việc mua lại phần vốn góp của đối tác tại Công ty Hải Yến;
- Tiếp tục xúc tiến việc chào bán khu kho 1,5 ha tại quận 12- thành phố Hồ Chí Minh;
- Hoàn tất việc chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty cổ phần Nông Nghiệp Sông Mê Kông.

#### 4.4. Một số định hướng giải pháp thực hiện cho hoạt động của Công ty năm 2020:

- Tiếp tục xây dựng, củng cố thương hiệu Công ty.
- Tổ chức lại hệ thống quản trị kinh doanh, rà soát để cơ cấu lại nguồn lao động, củng cố và bổ sung đội ngũ nhân sự để phục vụ yêu cầu quản lý và kinh doanh trong tình hình mới.
- Tiếp tục cải tiến công tác tổ chức quản lý và đầu tư các hoạt động marketing hiệu quả.
- Phát triển thêm sản phẩm mới thuộc bảo vệ thực vật; chú trọng những sản phẩm còn thiếu hoặc yếu.
- Quản lý và chăm sóc tốt khách hàng nhằm phát triển hệ thống đại lý mạnh và vững chắc.
- Quản lý tốt công nợ; giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi.
- Nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã giám sát và đôn đốc Ban điều hành hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh do Đại hội cổ đông thường niên giao; giữ vững, ổn định sự phát triển của Công ty trong tình hình môi trường kinh doanh khó khăn, biến động, phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro;
- HĐQT cũng đã tập trung nhiều vào việc chỉ đạo triển khai thực hiện các bước chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động, củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty;
- Trong niên độ tài chính 2019, HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc;
- HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp theo quý. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ Công ty quy định. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và công bố theo đúng quy định;
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty;
- Năm qua, HĐQT đã phối hợp với Ban kiểm soát xem xét báo cáo tài chính hàng Quý và kiểm tra kết quả thực hiện dự án Nhà máy tại Long An;
- HĐQT đã hoàn thành việc ủy quyền của ĐHCĐ về việc xem xét, cập nhật, sửa đổi điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;



- Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động mẫn cán, minh bạch và làm việc hiệu quả. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn hoạt sản xuất, kinh doanh của công ty đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của Pháp luật và của điều lệ Công ty;
- Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

## 2. Về việc tham tham dự các phiên họp:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số phiên tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự đủ
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch	6/6	100%	
2	Trương Công Cứ	Thành Viên	6/6	100%	
3	Trần Văn Dũng	Thành Viên	6/6	100%	Nhiệm kỳ 2018-2022
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành Viên	6/6	100%	Nhiệm kỳ 2018-2022
5	Phạm Trường Sơn	Thành Viên	1/2	50%	Không tham dự 1 cuộc họp ( Đơn từ nhiệm Ngày 04/04/2019)
6	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành Viên	4/4	100%	Thành viên HĐQT- Ngày 05/04/2019 (NK 2018-2022)

(Ông Phạm Trường Sơn- Thành viên HĐQT Từ nhiệm ngày 04/04/2019

Trong niên độ tài chính 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành 06 cuộc họp, theo đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được HĐQT thông qua như sau:

### 1. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1.	01/2019/NQ-HĐQT	18/01/2019	Nghị quyết thông qua: + Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018 và kết quả kinh doanh năm 2018 + Dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2019

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
2.	03/2019/NQ-HĐQT	13/03/2019	Nghị quyết thông qua: + Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3.	05/2019/NQ-HĐQT	05/04/2019	Nghị quyết thông qua: + Công tác nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; + Dự thảo Báo cáo của Hội đồng quản trị; + Báo cáo Tài chính năm 2018 đã kiểm toán; + Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018; + Dự thảo Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018; + Dự thảo Tờ trình về mức thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban kiểm soát và khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2019; + Dự thảo Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
4.	06/2019/NQ-HĐQT	05/04/2019	Nghị quyết thông qua: + Chấp thuận Đơn từ nhiệm TV HĐQT của Ông Phạm Trường Sơn + Bầu bổ sung tạm thời Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương là TV HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022
5.	07/2019/NQ-HĐQT	12/04/2019	+ Nghị quyết thông qua việc thu hồi CP ESOP của CBNV nghỉ việc theo Quy chế ESOP
6.	08/2019/NQ-HĐQT	23/04/2019	+ Nghị quyết thông qua việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2018.
7.	11/2019/NQ-HĐQT	03/05/2019	+ Nghị quyết thông qua việc tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Nguyễn Mỹ giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công Ty
8.	12/QĐ/VFC-HĐQT	03/05/2019	+ Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Mỹ giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công Ty

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
9.	13/2019/NQ-HĐQT	03/05/2019	+ Nghị quyết thông qua Phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho Cán bộ nhân viên công ty theo chương trình ESOP
10.	14/QĐ/VFC-HĐQT	03/05/2019	Quyết định thông qua Quy chế phát hành CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
11.	16/2019/NQ-HĐQT	22/05/2019	Nghị quyết thông qua việc Ủy quyền cho Công Đoàn Công Ty phân phối Cổ phiếu ESOP đã giao cho Ban chấp hành Công Đoàn quản lý.
12.	19/2019/NQ-HĐQT	24/06/2019	Nghị quyết thông qua việc Chọn Công Ty Kiểm Toán Báo cáo tài chính năm 2019
13.	20/2019/NQ-HĐQT	25/06/2019	Nghị quyết thông qua việc thu hồi CP ESOP của CBNV nghi việc theo Quy chế ESOP
14.	24/2019/NQ-HĐQT	19/07/2019	Nghị quyết thông qua: + BCTC Quý 2/2019 + Tăng vốn điều lệ Công Ty + Tạm ứng cổ tức đợt 1/2019 + Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc
15.	26/2019/NQ-HĐQT	26/07/2019	Nghị quyết thông qua: + Tăng vốn điều lệ, Niêm yết bổ sung CP ESOP
16.	33/2019/NQ-HĐQT	14/08/2019	+ Nghị quyết Sửa đổi điều lệ Công Ty
17.	35/2019/NQ-HĐQT	20/09/2019	+ Nghị quyết thông qua việc thu hồi CP ESOP của CBNV nghi việc theo Quy chế ESOP

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
18.	39/QĐ/VFC-HĐQT	18/10/2019	Nghị quyết thông qua: + BCTC Quý 3/2019 và Kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2019 + Sáp nhập Chi nhánh Long An vào Chi nhánh Đồng Tháp
19.	42/2019/NQ-HĐQT	29/11/2019	+ Nghị quyết thông qua việc thu hồi CP ESOP của CBNV nghi việc theo Quy chế ESOP
20.	43/2019/NQ-HĐQT	29/11/2019	+ Nghị quyết thông qua việc thu hồi CP ESOP của CBNV nghi việc theo Quy chế ESOP
21.	45/2019/NQ-HĐQT	16/12/2019	Nghị quyết thông qua Sáp nhập và đổi tên chính nhánh

### 3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Trong năm, HĐQT đã thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát:

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị;
- HĐQT đánh giá:
  - + Các thành viên trong Ban điều hành đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
  - + Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
  - + Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty;
  - + Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
  - + Hàng quý, Ban Điều hành tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, kiểm điểm các công việc chưa thực hiện, đề xuất phương án hoàn thiện hệ thống quản lý và giải pháp thực hiện nhằm triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh do Hội đồng Quản trị đề ra;
  - + Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định;

- + Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

## V. BAN KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên BKS
1	Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	4/4	100%	16/04/2015
2	Thái Thị Hồng Châu	Thành viên BKS	4/4	100%	16/04/2015
3	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Thành viên BKS	1/1	100%	Từ nhiệm TV BKS ngày 4/4/2019
4	Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên BKS	2/2	100%	TV BKS ngày 19/04/2019 (NK 2018-2022)

### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để thảo luận, trao đổi thông tin giữa các thành viên nhằm triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD Công ty; thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán và BCTC.

Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp:

@ Họp định kỳ ngày 18/01/2019 thảo luận về việc:

- + Xem xét báo cáo tài chính quý 4/2018 và kết quả kinh doanh năm 2018
- + Xem xét dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2019

@ Họp Cuộc họp định kỳ ngày 05/04/2019 thảo luận các vấn đề:

- + Công tác nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- + Dự thảo Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo Tài chính năm 2018 đã kiểm toán;
- + Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018;
- + Dự thảo Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018;
- + Dự thảo Tờ trình về mức thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban kiểm soát và khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2019;
- + Dự thảo Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

@ Họp Cuộc họp ngày 18/07/2019 thông qua các vấn đề:

- + Xem xét BCTC quý 2/2019 và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019;
- + Xét tờ trình tăng vốn điều lệ;
- + Xét tờ trình tạm chi cổ tức;



+ Xét tờ trình miễn nhiệm cán bộ.

@ Họp Cuộc họp ngày 18/10/2019 thông qua các vấn đề:

+ Xem xét BCTC quý 3/2019 và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019.

+ Tờ trình sáp nhập chi nhánh.

Ngoài ra BKS họp định kỳ để thảo luận, trao đổi thông tin giữa các thành viên nhằm triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD Công ty; thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán và BCTC niên độ 2019. Các hoạt động của các thành viên BKS đã thực hiện cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động để triển khai thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS năm 2019;
- Thẩm định BCTC giữa niên độ và năm 2019;
- Tham gia các phiên họp của HĐQT trong năm 2019;
- Tham gia với BDH thực hiện các chuyên đề về Chương trình xây dựng hạn mức nợ khách hàng; Chương trình cải tiến tiền lương; Xây dựng chính sách bán hàng; Xây dựng định hướng chiến lược Công ty giai đoạn 2015-2019 và Xây dựng Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019;
- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2019; đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH Công ty năm 2019;
- Thảo luận Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020 để trình Báo cáo ĐHĐCĐ;
- Thu thập thông tin để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2020 để đề nghị HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Phối hợp với bộ phận quản lý cổ đông để theo dõi tình hình phản ánh ý kiến của cổ đông và tình hình thực hiện chi trả cổ tức;
- Tham gia với bộ phận Tài Chính - Kế Toán Công ty để thực hiện tiến trình cải tiến công tác Tài Chính - Kế Toán;
- Tham gia một số nội dung, vấn đề khác với HĐQT trong các cuộc họp.

### **3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD:**

- Trong hoạt động năm 2019, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi để tham gia và chủ động cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT, các BCTC quý, năm;
- BKS cùng HĐQT và Ban TGD Công ty thực hiện sự phối hợp nhiệm vụ, chia sẻ, nắm bắt kịp thời thông tin liên quan đến tình hình và hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được tạo điều kiện tiếp xúc, trao đổi với các phòng Ban chức năng và tham gia xem xét các vấn đề trong quá trình hoạt động và qua đó BKS đóng góp ý kiến, tham vấn cho HĐQT và Ban TGD;
- BKS cũng phối hợp với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình, BKS phụ trách giám sát mảng tài chính kế toán công ty, đã tổ chức làm việc với Ban TGD và phòng Tài chính kế toán công ty về chi tiết các vấn đề liên quan đến tổ chức Hệ thống kế toán, vận hành phần mềm kế toán và một số khoản mục tài chính quan trọng.

### III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT:

#### 1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và khen thưởng năm 2019 như sau:

- + Thù lao của Hội đồng quản trị bằng 1,5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019 & Thưởng cho HĐQT là 8% & BĐH là 12% phần vượt kế hoạch đối với lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh chính năm 2019: 3,21 tỷ đồng
- + Quỹ Lương của Ban kiểm soát là 560.000.000 đồng, được chi trả hàng tháng cho Kiểm soát viên theo đúng Nghị Quyết của ĐHĐCĐ 2019

#### 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

1.1 Công Đoàn Cơ Sở Công Ty CP Khử Trùng Việt Nam

+ Phát sinh tăng: 106.203 cổ phiếu

+ Phát sinh giảm: 20.000 cổ phiếu

Số Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 108.203 cổ phiếu

2.2 Ông Nguyễn Mỹ- Phó Tổng Giám Đốc Công Ty

Mua vào 40.000 cổ phiếu

#### 3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

#### 4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty từng bước và đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty; đã xây dựng và ban hành áp dụng Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Ngoài ra, việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật đã được Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm thông tin đầy đủ và kịp thời cho nhà đầu tư.

### VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Phụ lục Báo cáo tài chính Hợp Nhất đính kèm dưới đây).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bạch Tuyết

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.863.087.336.713</b>	<b>1.611.245.208.346</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>425.668.437.084</b>	<b>215.197.205.363</b>
1. Tiền	111		160.668.437.084	130.197.205.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000.000	85.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>548.304.753.593</b>	<b>655.369.100.096</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	513.812.236.060	663.677.078.567
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.090.477.235	5.968.531.472
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	47.834.309.463	11.694.727.770
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(21.362.077.860)	(27.077.810.412)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.929.808.695	1.106.572.699
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>879.129.654.413</b>	<b>738.250.658.685</b>
1. Hàng tồn kho	141		917.422.877.654	752.278.214.865
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.293.223.241)	(14.027.556.180)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.984.491.623</b>	<b>2.428.244.202</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	2.292.867.161	1.726.903.114
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.273.011.266	20.327.304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	1.418.613.196	681.013.784
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>420.067.954.542</b>	<b>430.826.308.947</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.573.786.131</b>	<b>2.179.817.040</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.573.786.131	2.179.817.040
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>187.053.071.530</b>	<b>196.278.669.707</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	130.984.802.041	138.509.172.087
Nguyên giá	222		262.854.509.015	252.265.686.290
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.869.706.974)	(113.756.514.203)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	56.068.269.489	57.769.497.620
Nguyên giá	228		66.588.899.539	66.465.899.539
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.520.630.050)	(8.696.401.919)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.9</b>	<b>27.795.806.459</b>	<b>32.294.973.265</b>
Nguyên giá	231		37.542.322.011	41.281.483.565
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.746.515.552)	(8.986.510.300)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.427.264.502</b>	<b>16.399.681</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.427.264.502	16.399.681
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.2</b>	<b>195.056.564.098</b>	<b>194.455.964.098</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193.304.814.098	193.304.814.098
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(497.640.000)	(1.098.240.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.161.461.822</b>	<b>5.600.485.156</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	5.315.278.281	5.074.537.734
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		846.183.541	525.947.422
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.283.155.291.255</b>	<b>2.042.071.517.293</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.374.251.717.627</b>	<b>1.162.923.272.640</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.322.304.980.040</b>	<b>1.096.037.753.821</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	717.599.553.797	508.448.988.147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		883.545.773	1.372.142.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	12.522.903.687	14.570.156.990
4. Phải trả người lao động	314	4.13	44.327.980.412	51.513.956.185
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	128.820.081.393	111.254.301.636
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.152.195.200	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	125.608.666.416	123.133.827.026
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	277.131.320.875	277.504.311.048
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.258.732.487	8.240.070.029
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.946.737.587</b>	<b>66.885.518.819</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	36.438.021.051	36.125.801.531
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	15.508.716.536	30.759.717.288
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>908.903.573.628</b>	<b>879.148.244.653</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>908.903.573.628</b>	<b>879.148.244.653</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		320.888.640.000	316.134.610.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		320.888.640.000	316.134.610.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000.000)	(20.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		237.745.155	222.929.827
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		203.462.343.942	203.462.343.942
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.032.066.911	21.032.066.911
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		361.302.777.620	338.316.293.973
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		268.005.274.619	254.441.649.723
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		93.297.503.001	83.874.644.250
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.283.155.291.255</b>	<b>2.042.071.517.293</b>



Trương Công Cừ  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	TM	Tại ngày 01/01/2019	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019		Tại ngày 31/12/2019
			Tăng	Giảm	
Vốn góp của chủ sở hữu	4.17	316.134.610.000	4.754.030.000	-	320.888.640.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>316.134.610.000</b>	<b>4.754.030.000</b>	<b>-</b>	<b>320.888.640.000</b>



Trương Công Cự  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	2.271.964.357.896	2.474.318.226.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	202.410.962.845	185.353.039.066
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.069.553.395.051	2.288.965.187.317
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	1.568.294.834.029	1.730.583.257.388
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		501.258.561.022	558.381.929.929
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	28.944.812.467	26.679.816.688
7. Chi phí tài chính	22	5.5	27.936.733.726	21.801.203.806
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.472.094.120	14.362.917.974
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	280.759.682.064	351.388.939.786
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	39.986.828.108	43.423.197.810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		181.520.129.591	168.448.405.215
11. Thu nhập khác	31		1.429.325.605	1.456.882.388
12. Chi phí khác	32		4.563.502.930	4.206.116.672
13. Lợi nhuận khác	40		(3.134.177.325)	(2.749.234.284)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		178.385.952.266	165.699.170.931
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	36.492.485.241	34.616.740.042
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(320.236.119)	334.365.470
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142.213.703.144	130.748.065.419
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		142.213.703.144	130.748.065.419
19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.17.5	3.986	3.663



Trương Công Cứ  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		178.385.952.266	165.699.170.931
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	21.722.746.095	21.403.258.323
Các khoản dự phòng	03		26.694.323.598	17.528.062.527
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(232.163.298)	79.480.349
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.686.886.906)	(9.449.853.509)
Chi phí lãi vay	06	5.5	13.472.094.120	14.362.917.974
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		<b>236.356.065.875</b>	<b>209.623.036.595</b>
Tăng, (giảm) các khoản phải thu	09		97.635.299.531	(137.630.582.872)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(165.144.662.789)	(229.167.179.572)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		216.923.011.712	127.458.724.351
Tăng, (giảm) chi phí trả trước	12		(806.704.594)	797.535.344
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.824.623.509)	(14.054.172.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(32.862.773.903)	(38.404.621.830)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13.065.050.058)	(14.058.238.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>326.210.562.265</b>	<b>(95.435.498.841)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.983.782.660)	(14.836.965.665)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.717.966.555	686.659.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.4	3.076.829.524	9.341.169.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(5.188.986.581)</b>	<b>(4.809.136.821)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	707.749.103.784	1.260.278.508.970
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(723.373.094.709)	(1.208.381.449.455)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(94.955.698.050)	(67.252.326.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(110.579.688.975)</b>	<b>(15.355.266.610)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>210.441.886.709</b>	<b>(115.599.902.272)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		215.197.205.363	330.821.136.073
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.345.012	(24.028.438)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>425.668.437.084</b>	<b>215.197.205.363</b>



Trương Công Cừ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập biểu